TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LÂM
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2017/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 9 năm 2017
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM – TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Võ Thị Trầm**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Thái Cao Bình**
Ông **Nguyễn Lai**
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Thị Huệ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **Bùi Văn Hùng** – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2017/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2017 về việc ***"Ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Phạm Thị Bích T** – SN 1997
Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Đức C** - SN 1987
Địa chỉ: Tổ dân phố Bãi G 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/6/2017, bản tự khai ngày 26/7/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Bích T trình bày: Bà và ông Trần Đức C tự nguyện sống chung từ năm 2014 nhưng đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn, có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Thảo L - sinh ngày 23/02/2015. Trong thời gian sống chung, giữa bà và ông C thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Ông C không có trách nhiệm với vợ con, ham mê cờ bạc, cá độ đá banh và thường xuyên uống rượu bia. Do vợ chồng sống bên cạnh nhà cha mẹ chồng nên giữa bà với gia đình ông C xảy ra mâu thuẫn, bà bị chửi mắng và hành hung nhưng ông C cũng không đứng ra cố gắng giải quyết mâu thuẫn mà bỏ mặc bà. Vì không thể chịu đựng và tiếp tục sống chung được nên bà đã ôm con về nhà mẹ ruột sống từ tháng 03/2017 đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà xin được ly hôn ông C.

Về con chung, cháu L hiện còn nhỏ và đang sống cùng bà nên bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu L. Do bà làm công nhân may thu nhập thực tế mỗi tháng là 4.000.000đồng nên bà yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung 1.200.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2017, bị đơn ông Trần Đức C trình bày: Ông và bà Phạm Thị Bích T tự nguyện sống chung từ năm 2014 nhưng đến năm 2016 mới đăng ký kết

hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, hiện bà T đã bỏ về nhà mẹ ruột sống, ông cũng đã nhiều lần yêu cầu bà T về nhưng bà Trâm không đồng ý. Nay bà T xin ly hôn ông không đồng ý vì vẫn còn thương vợ con. Về con chung, giữa ông và bà T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Thảo L - sinh ngày 23/02/2015, hiện đang sống cùng với bà T. Sau khi ly hôn ông có nguyện vọng được nuôi cháu L, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Đức C đã được Tòa án thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung: Bà Phạm Thị Bích T và ông Nguyễn Đức C tự nguyện sống chung từ năm 2014 và đến năm 2016 đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Theo nguyên đơn bà T thì giữa bà và ông C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn kình cãi do bất đồng quan điểm sống, ông C không có trách nhiệm với vợ con ham mê cờ bạc, ăn nhậu và nghe lời cha mẹ. Mặc dù biết giữa bà và gia đình chồng thường xuyên xảy ra xung đột, bà bị gia đình chồng chửi mắng và hành hung nhưng ông C cũng không cố gắng giải quyết mà để mặc bà chịu đựng. Từ tháng 3/2017 đến nay, vợ chồng đã không còn sống chung, ông C bỏ mặc mẹ con bà cũng không phụ tiền để bà nuôi con dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và không thể hàn gắn được nên bà xin được ly hôn ông C. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù ông C cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng và ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ con nhưng trong quá trình vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/2017 và trong thời gian Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của bà T, ông C không đến Tòa để hòa giải mà bỏ mặc không quan tâm chia sẻ gì với vợ. Điều đó cho thấy ông C không có thiện chí hòa giải cũng như không đưa ra được phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông C là không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Bích T là phù hợp.

[4] Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Hoàng Thảo L - sinh ngày 23/02/2015, hiện đang sống cùng với mẹ. Bà T có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.200.000đồng . Ông C cũng có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu L sinh năm 2015 còn quá nhỏ, cháu hiện đang ở với mẹ. Bà T làm công nhân thu nhập mỗi tháng là 4.000.000đồng. Ông C làm nghề phụ hồ. Như vậy để đảm bảo đủ điều kiện cho cháu L được phát triển ổn định cả về thể chất và tinh thần cũng như căn cứ vào công việc và mức thu nhập thực tế của các bên nên giao con chung Nguyễn Hoàng Thảo L - sinh ngày 23/02/2015 bà T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.200.000đồng theo yêu cầu của bà T là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2017 cho đến khi con chung trưởng thành.

[5] Tài sản chung: bà Trâm không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét.

[6] Nợ chung: không có.

[7] Án phí: Bà T phải nộp án phí 300.000đ HNGĐ-ST. Ông C phải nộp 300.000đồng án phí DS-ST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án…

1. *Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Phạm Thị Bích T được ly hôn ông Nguyễn Đức C.*

2.Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Thảo L - sinh ngày 23/02/2015 cho bà Phạm Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đức C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.200.000 đồng *(Một triệu hai trăm ngàn đồng)*. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2017 cho đến khi con chung trưởng thành.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Quy định: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: không có.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Bích T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/0009581 ngày 28/6/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm. Bà T đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Đức C phải nộp 300.000 đồng án phí DS-ST.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND huyện Cam Lâm;*
- *THADS huyện Cam Lâm;*
- *Đương sự*
- *Lưu AV, HS*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ TRÀM